TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2022/HS-ST
Ngày: 15/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Minh Thân;

- Ông Nguyễn V1 Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2022/HSST ngày 28/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HS ngày 30/6/2022, đối với bị cáo sau:

Họ và tên: **Tô Đình Thiện V; Sinh năm: 2001**; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn Hạc S, xã Châu S, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Nơi ở: P.1507/ĐN3, ký túc xá M, phường M 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Sinh viên trường Cao đẳng du lịch Hà Nội; Văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V1 Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Tô Mạnh Đ; Con bà: Đinh Thị Kh; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Không; Trích lục tiền án tiền sự: Không;

Danh chỉ bản số: 0276, lập ngày 28/4/2022, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú"*.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Anh Nguyễn Văn V1; Sinh năm: 2001; HKTT: Xóm Tân Thịnh, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; Nơi ở: P.1507/ĐN3, ký túc xá M, phường M 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Đặng Văn Đ; Sinh năm: 1991; HKTT: Thôn Đồng Luân, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Ngõ 193, đường PD, phường PD, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

(Anh V1, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tô Đình Thiện V và anh Nguyễn Văn V1 *(Sinh năm: 2001; HKTT: Xóm Tân Thịnh, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh)* là sinh viên ở cùng phòng 1507/ĐN3, ký túc xá M, phường M 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ngày 16/03/2022, Tô Đình Thiện V hỏi mượn anh V1 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda WaveS màu đỏ- đen, BKS: 99V2- 4044 để sang nhà bạn chơi. Quá trình sử dụng xe, V phát hiện trong cốp xe có giấy tờ xe nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh V1, V sau đó vờ gọi điện cho anh V1 hỏi về giấy tờ xe, mục đích để V lấy giấy tờ xe của anh V1 và để anh V1 tin là trong cốp xe không có giấy tờ. Đến chiều cùng ngày, V đem xe về phòng trọ trả cho anh V1. Trước khi trả xe, V đã lấy toàn bộ giấy tờ xe gồm đăng ký xe và bảo hiểm xe WaveS, màu đỏ-đen, BKS: 99V2-4044 và nói dối anh V1 trong cốp xe không có giấy tờ. Đến khoảng 9h ngày 31/3/2022, do cần tiền tiêu sài cá nhân nên V nảy sinh ý định bán chiếc xe máy trên của anh V1 để lấy tiền tiêu sài. Sau đó, V lấy lý do đi xin việc để hỏi mượn chiếc xe của anh V1. Sau khi mượn xe, V đã đăng bán chiếc xe của anh V1 trên mạng xã hội cùng giấy tờ xe thì có anh Đặng Văn Đ *(Sinh năm: 1991; HKTT: Thôn Đồng Luân, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội)* liên hệ hỏi mua. Anh Đ và V sau đó đã hẹn gặp nhau tại khu vực tòa MHDI đường Nguyễn Cơ Thạch, phường M 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội để xem xe. Tại đây, anh Đ kiểm tra thấy chiếc xe còn mới, số khung, số máy và biển kiểm soát trùng khớp với tên trên đăng ký xe và hỏi V về nguồn gốc chiếc xe trên thì V nói là xe của V mua của một người không quen biết và muốn bán với giá 3.900.000 VNĐ. Anh Đ đồng ý và chuyển tiền mua xe đến tài khoản số 100870650375 của V tại ngân hàng ViettinBank. Sau khi bán xe, V quay về phòng trọ thì bị anh V1 đòi xe nên V đã nói dối việc bị công an phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội tạm giữ xe để anh V1 không hỏi về chiếc xe

nữa. Đến chiều cùng ngày, anh V1 đến Công an phường Lĩnh Nam hỏi và được biết Công an phường Lĩnh Nam không tạm giữ chiếc xe máy trên nên đã đến Công an phường M 2 trình báo sự việc.

Ngày 02/4/2022, anh Đặng Văn Đ sau khi biết vụ việc đang được công an phường M 2 xác minh làm rõ nên đã tự nguyện giao nộp cơ quan điều tra: 01 xe máy Honda WaveS, màu đỏ-đen, BKS: 99V2 – 4044; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002785, mang tên Nghiêm Thị C, sinh năm: 1989, địa chỉ: Bồng Lai, Quế Võ, Bắc Ninh; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số: AA23/1345055; Cơ quan điều tra tạm giữ của V: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J6, lắp 01 sim điện thoại.

Tại cơ quan điều tra, V đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 134/KLĐGTS ngày 12/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, kết luận: *"01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ-đen, BKS: 99V2-4044, số khung: 6BY022080, số máy: 3E1556772, đăng ký lần đầu ngày 06/12/2010, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 5.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng./.)"*.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định chiếc xe máy Honda Wave S, màu đỏ-đen, BKS: 99V2-4044, chủ sở hữu là: Chị Nghiêm Thị C; Sinh năm: 1989; HKTT: Cẩm Chàng, BL, QV, Bắc Ninh, là cô của anh Nguyễn Văn V1. Tháng 10/2021, do không có nhu cầu sử dụng, chị C đã cho anh V1 chiếc xe máy trên. Ngày 13/4/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 50/QĐ-ĐTTH, trao trả anh V1: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ-đen, BKS: 99V2-4044; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002785; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy số: AA23/1345055. Anh V1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với anh Đặng Văn Đ, do khi mua xe, anh Đ không biết nguồn gốc xe máy trên là tài sản do V phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Ngày 02/4/2022, gia đình V đã tự nguyện bồi thường anh Đ số tiền: 3.900.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu, chín trăm nghìn đồng)*, anh Đ đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Bản Cáo trạng số: 129/CT-VKSNTL ngày 21/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo Tô Đình Thiện V

về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định như sau:

"Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:"

Tại phiên tòa:

Bị cáo V thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố đối với bị cáo về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng là bài học để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Đ diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Tô Đình Thiện V, kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo V về tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc thường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Tài sản đã được thu hồi, trả lại Bị hại; Gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho anh Đ, bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là sinh viên, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, đề nghị không

áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J6, lắp 01 sim điện thoại, là phương tiện phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 9h ngày 31/3/2022, tại phòng 1507/ĐN3, ký túc xá M, phường M 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Tô Đình Thiện V đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy Honda WaveS màu đỏ-đen, BKS: 99V2-4044, trị giá tài sản là: 5.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm triệu đồng)* của anh Nguyễn Văn V1.

Bị cáo đã khai nhận tội. Tài sản đã được thu hồi trả lại Bị hại. Gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại anh Đặng Văn Đ số tiền: 3.900.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu, chín trăm nghìn đồng).* Bị hại đã nhận lại tài sản, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Hành vi nêu trên của bị cáo Tô Đình Thiện V đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo V về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân

dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc thường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 của Bộ luật hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo về chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú, để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo V từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là sinh viên, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch

thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J6, lắp 01 sim điện thoại, là phương tiện phạm tội của bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Tô Đình Thiện V phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt: Bị cáo Tô Đình Thiện V **06** *(Sáu)* **tháng tù, nhưng cho hưởng án treo**, **thời gian thử thách 12** *(Mười hai)* **tháng kể từ ngày tuyên án**. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Châu S, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J6, lắp 01 sim điện thoại *(Có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng số: 168, lập ngày 27/6/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);*

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- UBND xã Châu S, huyện Ba Vì, TP.Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
- Lưu HS.

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 584; Điều 589; Điều 288; Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh phải bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Đ Thanh *(Người Đ diện theo pháp luật: Ông Tô Thế Bình - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà *(Người Đ diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm *(Người Đ diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền:

15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng);* Bồi thường cho anh Đỗ Nhật Thành số tiền: 12.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười hai triệu đồng);*

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh và bị cáo Nguyễn Tiến Bằng phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà *(Người Đ diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở và quản lý khu đô thị Mường Thanh *(Người Đ diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Toàn - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 13.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười ba triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 6.500.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng);* Bồi thường cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thiên Trường V1 Nam *(Người Đ diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Oanh - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 20.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng);* Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm *(Người Đ diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám đốc)* số tiền: 15.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng),* mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 vam phá khóa và 01 thẻ gửi xe *(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 110 ngày 20/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);*

Buộc bị cáo Tuấn phải truy nộp: 14.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng);* Bị cáo Phong phải truy nộp: 10.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu đồng);* Bị cáo V1 phải truy nộp: 4.500.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);* Bị cáo Minh phải truy nộp: 7.250.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);* Bị cáo Bằng phải truy nộp: 1.250.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng),* nộp ngân sách Nhà Nước.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Các bị cáo: Minh, Bằng, Tuấn, Phong, V1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Minh phải chịu 4.425.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bằng phải chịu 1.575.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.